

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS PHÚC ĐÔNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN 8

Tiết: 135,136 - Năm học 2021 - 2022

Thời gian: 90' - Ngày kiểm tra:...../...../2022

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình đã học (từ tuần 19 đến tuần 33), môn Ngữ văn lớp 8 theo 3 phân môn Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.

- Đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

- Kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ nghiêm túc khi làm bài kiểm tra.

- Giáo dục học sinh lòng yêu đất nước, con người.

B. MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ II:

Cấp độ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Kiến thức văn bản	Thể loại, phương thức biểu đạt chính	Hoàn cảnh ra đời của văn bản		Từ VB liên hệ với 1 VB cùng khác có chi tiết, hình ảnh, ... tương đồng	
Số câu Số điểm- Tỷ lệ%	Số câu: 01 1.0đ-10%	Số câu: 01 1.0đ – 10%	Cho một văn bản hoặc một phần của văn bản trong phạm vi ôn tập sau đó yêu cầu trả	Số câu: 01 0.5 đ – 05%	Số câu: 03 2.5điểm= 25%

Kiến thức Tiếng Việt	Xác định câu phân loại theo mục đích nói (Chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu phân loại theo mục đích nói đó)		<i>lời các câu hỏi</i>		
<i>Số câu</i> <i>Số điểm-Tỉ lệ %</i>	<i>Số câu:01</i> <i>1.5đ-15%</i>				<i>Số câu:01</i> <i>1.5điểm=15%</i>
Kiến thức Tập làm văn			Viết đoạn văn nghị luận văn học phân tích một đoạn trích hoặc văn bản.	Viết đoạn văn liên hệ bản thân sau khi học một văn bản.	
<i>Số câu</i> <i>Số điểm-Tỉ lệ %</i>			<i>Số câu:01</i> <i>4,5đ – 45%</i>	<i>Số câu:01</i> <i>1,5đ – 15%</i>	<i>Số câu:02</i> <i>6.0điểm - 60%</i>
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 02 Số điểm: 2,5 25%	Số câu: 01 Số điểm: 1.0 10%	Số câu: 01 Số điểm: 4,5 45 %	Số câu: 02 Số điểm: 2.0 20%	Số câu: 06 Số điểm: 10 100%

Đề 1

Tiết: 135,136 - Năm học 2021 - 2022

(Chính thức)

Thời gian: 90' - Ngày kiểm tra:...../...../2022

Phần I: (6 điểm)

Cho đoạn trích sau:

Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt, lột da, nuốt gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng."

(Hịch tướng sĩ - Trần Quốc Tuấn, SGK tập 2- Trang 57, NXB Giáo dục).

Câu 1: Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản trên? (1 điểm).

Câu 2: Viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch khoảng 10 câu triển khai luận điểm sau: "Đoạn trích đã thể hiện lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn". Trong đoạn văn có sử dụng một câu nghi vấn và một câu cảm thán (gạch dưới, chú thích rõ câu nghi vấn và câu cảm thán). (4.5 điểm).

Câu 3: Kể tên một văn bản thuộc thể loại văn nghị luận cổ đã học trong chương trình Ngữ văn 8? (0.5 điểm).

Phần II: (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

"Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền. Người ta đua nhau lối học hình thức hòng cầu danh lợi, không còn biết đến tam cương, ngũ thường. Chúa tâm thường, thần nịnh hót. Nước mất, nhà tan đều do những điều tệ hại ấy."

(Bàn luận về phép học - Nguyễn Thiếp, SGK tập 2- Trang 76, NXB Giáo dục).

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản *Bàn luận về phép học*? (1 điểm).

Câu 2: Xét về mục đích nói câu "Nước Việt ta, từ khi lập quốc đến giờ, nền chính học đã bị thất truyền." thuộc kiểu câu gì? Hãy chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của kiểu câu đó?(1.5 điểm).

Câu 3: Văn bản *Bàn luận về phép học* giúp ta hiểu mục đích của việc học là để làm người có đạo đức, có tri thức, góp phần làm hưng thịnh đất nước. Hiểu được điều này, theo em ngày nay học sinh cần làm gì để học tập tốt và có hiệu quả. Hãy trình bày ý kiến của mình bằng một đoạn văn khoảng 1/2 trang giấy (1.5 điểm).

CÂU	Nội dung	Điểm
PHẦN I (6.0 điểm)		
Câu 1 1.0 điểm	<i>Hịch Tướng Sĩ</i> do Trần Quốc Tuấn viết vào khoảng trước cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên lần thứ 2 (1285).	1 điểm
Câu 2 4.5 điểm	<p>* Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo dung lượng, có trình tự mạch lạc, diễn đạt rõ ràng; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Đúng đoạn văn lập luận diễn dịch. - Sử dụng đúng, phù hợp với 1 kiểu câu nghi vấn và 1 câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ). <p>* Nội dung: Bám sát vào ngữ liệu và khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật (ẩn dụ, nói quá, liệt kê, động từ mạnh...) để làm rõ lòng yêu nước thiết tha, cháy bỏng của vị chủ tướng Trần Quốc Tuấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đau xót vì đất nước đến quên ăn, mất ngủ. - Khao khát hành động giết giặc cứu nước. - Quyết tâm hy sinh để rửa mối thù cho đất nước. - Căm thù giặc, tố cáo tội ác của giặc. <p>- Các BPNT: + Nghệ thuật ẩn dụ, hình ảnh so sánh lũ giặc với các loài thú dữ bản. + Biện pháp liệt kê, nói quá, các động từ mạnh, 1 câu văn tạo thành về câu thể hiện nỗi căm thù giặc tột cùng. => Khí phách, lòng yêu nước người anh hùng được bộc lộ.</p>	<p>1.5 điểm</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>3.0 điểm</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p>
Câu 3 0.5 điểm	Một văn bản thuộc thể loại nghị luận cổ đã học trong chương trình Ngữ văn 8: <i>Nước Đại Việt ta</i> hoặc <i>Chiếu dời đô</i> .	0.5 điểm
PHẦN II (4 điểm)		
Câu 1 1.0 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Thể loại: Tấu - Phương thức biểu đạt của văn bản: văn nghị luận. 	<p>0,5 điểm</p> <p>0,5 điểm</p>
Câu 2 1.5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu câu trần thuật. - Dấu hiệu: + Hình thức: Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. 	<p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p> <p>0.5 điểm</p>

	+ Chức năng: dùng để trình bày, giới thiệu, ... Chức năng khác: cầu khiến, bộc lộ cảm xúc, ...	
Câu 3 1.5 điểm	* Hình thức: Đảm bảo dung lượng 1/3 trang giấy, đúng yêu cầu về hình thức của đoạn văn nghị luận xã hội, diễ đạt lưu loát, sắp xếp ý mạch lạc.	0.5 điểm
	* Nội dung: HS có thể trình bày ý kiến khác nhau. Sau đây là gợi ý:	1.0 điểm
	Ngày nay học sinh cần làm gì để học tập tốt và có hiệu quả:	
	- Muốn học tốt phải có phương pháp học tập hiệu quả: học theo trình tự từ thấp đến cao, trước đến sau, dễ đến khó.	0.25
	- Học rộng nhưng phải biết tóm lược những điều cơ bản, cốt yếu, học có trọng tâm.	0.25
- Học phải đi đôi với hành, kiến thức trong sách vở phải được thể nghiệm, vận dụng vào thực tiễn đời sống.	0.25	
- Sử dụng công nghệ hiện đại phục vụ học tập (Internet, trang web học tập...), luôn tìm tòi, sáng tạo không ngừng.	0.25	

Ban giám hiệu



Dương Văn Tuyền

Tổ phó chuyên môn

Đinh Thị Nhân

Người ra đề

Đào Lệ Thanh

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1. Kiến thức:

- Đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình đã học (từ tuần 19 đến tuần 33), môn Ngữ văn lớp 8 theo 3 phân môn Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.

- Đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của học sinh thông qua hình thức tự luận.

2. Năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, năng lực ghi nhớ.

- Kiểm tra năng lực vận dụng kiến thức Ngữ văn để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

3. Phẩm chất:

- Có thái độ nghiêm túc khi làm bài kiểm tra.

- Giáo dục học sinh lòng yêu đất nước, con người.

B. MA TRẬN ĐỀ THI HỌC KÌ II:

Cấp độ Nội dung	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Cộng
Kiến thức văn bản	Thể loại, phương thức biểu đạt chính	Hoàn cảnh ra đời của văn bản	Cho một văn bản hoặc một phần của văn bản trong phạm vi ôn tập sau đó yêu cầu trả lời các câu hỏi	Từ VB liên hệ với 1 VB cùng khác có chi tiết, hình ảnh, ... tương đồng	
Số câu Số điểm- Tỷ lệ%	Số câu: 01 1.0đ-10%	Số câu: 01 1.0đ – 10%		Số câu: 01 0.5 đ – 05%	Số câu: 03 2.5điểm=25 %
Kiến thức Tiếng Việt	Xác định câu phân loại theo mục đích nói (Chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của câu phân loại theo mục đích nói đó)				
Số câu Số điểm-Tỷ lệ %	Số câu:01 1.5đ-15%				Số câu:01 1.0điểm=15 %

Kiến thức Tập làm văn			Viết đoạn văn nghị luận văn học phân tích một đoạn trích hoặc văn bản.	Viết đoạn văn liên hệ bản thân sau khi học một văn bản.	
Số câu Số điểm-Tỉ lệ %			Số câu:01 4,5đ – 45%	Số câu:01 1,5đ – 15%	Số câu:02 6.0điểm -60%
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu: 02 Số điểm: 2,5 25%	Số câu: 01 Số điểm: 1.0 10%	Số câu: 01 Số điểm: 4,5 45 %	Số câu: 02 Số điểm: 2.0 20%	Số câu: 06 Số điểm: 10 100%

Phần I: (6 điểm)

Trong tác phẩm “Chiếu dời đô”, Lý Công Uẩn có viết:

“Huống gì thành Đại La, kinh đô cũ của Cao Vương: Ở vào nơi trung tâm trời đất; được cái thế rồng cuộn hổ ngồi. Đã đúng ngôi nam bắc đông tây; lại tiện hướng nhìn sông dựa núi. Địa thế rộng mà bằng; đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ ngập lụt; muôn vật cũng rất mực phong phú tốt tươi. Xem khắp đất Việt ta, chỉ nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là nơi kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời.

Trẫm muốn dựa vào sự thuận lợi của đất ấy để định chỗ ở. Các khanh nghĩ thế nào?”

(Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

Câu 1: Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản trên? (1 điểm).

Câu 2: Viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch khoảng 10 câu triển khai luận điểm sau: “Đại La xứng đáng là kinh đô của bậc nhất của đế vương muôn đời”. Trong đoạn văn có sử dụng một câu nghi vấn và một câu cảm thán (gạch dưới, chú thích rõ câu nghi vấn và câu cảm thán). (4.5 điểm).

Câu 3: Lòng yêu nước, khát vọng xây dựng đất nước hùng cường là sợi chỉ đỏ xuyên suốt nền văn học trung đại Việt Nam. Kể tên một tác phẩm văn học trung đại khác cũng thể hiện lòng yêu nước. (0.5 điểm).

Phần II: (4 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ cảm tức chưa xả thịt lột da nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng.”

(Ngữ văn 8, tập 2, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản *Hịch tướng sĩ*? (1 điểm).

Câu 2: Xét về mục đích nói câu “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ cảm tức chưa xả thịt lột da nuốt gan uống máu quân thù” thuộc kiểu câu gì? Hãy chỉ ra đặc điểm hình thức và chức năng của kiểu câu đó?(1.5 điểm).

Câu 3: Từ nội dung đoạn trích trên kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với đất nước trong hoàn cảnh hiện nay bằng một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy).

CÂU	Nội dung	Điểm
PHẦN I (6.0 điểm)		
Câu 1 1.0 điểm	HS nêu được hoàn cảnh sáng tác: năm 1010, Lý Công Uẩn bày tỏ khát vọng dời đô từ Hoa Lư ra Đại La. (<i>Thiếu năm: trừ 0,5đ</i>)	1 điểm
Câu 2 4.5 điểm	<p>* Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo dung lượng, có trình tự mạch lạc, diễn đạt rõ ràng; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. - Đúng đoạn văn lập luận diễn dịch. - Sử dụng đúng, phù hợp với 1 kiểu câu nghi vấn và 1 câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ). <p>* Nội dung: Đại La xứng đáng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về lịch sử - Về vị trí địa lí - Về vị thế chính trị, văn hóa - Thực tiễn lịch sử gần một nghìn năm qua đã cho thấy sự tiên đoán và khẳng định của vua Lí Thái Tổ về kinh đô Thăng Long là hoàn toàn đúng đắn. - Nghệ thuật: Câu văn biến ngẫu, lập luận chặt chẽ, thuyết phục cả bằng lí lẽ, tình cảm. 	<p>1.5 điểm</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>3.0 điểm</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.5</p> <p>1.0</p> <p>0.75</p>
Câu 3 0.5 điểm	- HS nêu được văn bản khác thời trung đại cũng thể hiện lòng yêu nước (<i>Nước Đại Việt ta, Hịch tướng sĩ, Sông núi nước Nam.....</i>)	0.5 điểm
PHẦN II (4 điểm)		
Câu 1 1.0 điểm	- Thể loại: Hịch - Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0,5 điểm 0,5 điểm
Câu 2 1.5 điểm	- Kiểu câu trần thuật. - Dấu hiệu: + Hình thức: Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. + Chức năng: dùng để trình bày, giải thích, kể, tả, giới thiệu, bộc lộ cảm xúc, ...	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm
Câu 3 1.5 điểm	<p>* Hình thức: Đảm bảo dung lượng 1/2 trang giấy, đúng yêu cầu về hình thức của đoạn văn nghị luận xã hội, diễn đạt lưu loát, sắp xếp ý mạch lạc.</p> <p>* Nội dung: đảm bảo nội dung NLXH về vai trò, trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thế hệ trẻ là gì? + Hoàn cảnh đất nước hiện nay (hòa bình, đang xây dựng và BVTQ, phòng chống dịch bệnh...) 	<p>0.25 điểm</p> <p>1.25 điểm</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>

	+ Thế hệ trẻ giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của đất nước	0.25
	+ Nhiệm vụ của thế hệ trẻ	0.25
	+ Liên hệ bản thân (nhận thức, hành động)	



Ban giám hiệu

Dương Văn Tuynh

Tổ trưởng

Đào Thị Khanh

Nhóm trưởng

Đinh Thị Nhàn

Người ra đề

Nguyễn Thị Hà



Đề số 3

Tiết: 135,136 - Năm học 2021 - 2022

(Dự phòng)

Thời gian: 90' - Ngày kiểm tra:...../...../2022

Phần I: (6 điểm)

Trong “Nước Đại Việt ta”, Nguyễn Trãi có viết:

“Tùng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo.”

Câu 1: Em hãy cho biết hoàn cảnh ra đời của văn bản trên? (1 điểm).

Câu 2: Viết đoạn văn theo phương pháp tổng hợp-phân tích-tổng hợp khoảng 12 câu triển khai luận điểm sau: “Văn bản “Nước Đại Việt ta” đã thể hiện tư tưởng nhân nghĩa và lòng tự hào, tự tôn dân tộc của Nguyễn Trãi.”. Trong đoạn văn có sử dụng một câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc và một câu cảm thán (gạch dưới, chú thích rõ câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc và câu cảm thán). (4.5 điểm).

Câu 3: Kể tên một văn bản trong chương trình Ngữ văn 7 có cùng nội dung thể hiện niềm tự hào về chủ quyền độc lập của dân tộc. Nêu rõ tên tác giả? (0.5 điểm).

Phần II: (4 điểm)

Trong “Bàn luận về phép học”, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp khẳng định:

“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.”

Câu 1: Xác định thể loại và phương thức biểu đạt chính của văn bản *Bàn luận về phép học*? (1 điểm).

Câu 2: Xét theo mục đích nói câu *“Ngọc không mài, không thành đồ vật; người không học, không biết rõ đạo.”* thuộc kiểu câu gì? Tại sao? (1.5 điểm).

Câu 3: Từ thế kỉ XVIII, La Sơn Phu Tử Nguyễn Thiếp đã phê phán lối học hình thức hòng cầu danh lợi. Nhưng trong giới học sinh, sinh viên hiện nay, ta thấy vẫn tồn tại lối học hình thức, học tủ, học vẹt.

Hãy trình bày suy nghĩ của em về lối học lệch lạc này bằng một đoạn văn khoảng 1/2 trang giấy (1.5 điểm).



Tiết: 135,136 - Năm học 2021 - 2022

Thời gian: 90' - Ngày kiểm tra:...../...../2022

CÂU	Nội dung	Điểm
PHẦN I (6.0 điểm)		
Câu 1 1.0 điểm	<ul style="list-style-type: none">- Được công bố vào ngày 17 tháng chạp năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428).- Sau khi quân ta đại thắng, diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của quân Minh xâm lược, buộc Vương Thông phải giảng hòa, chấp nhận rút quân về nước.	1 điểm
Câu 2 4.5 điểm	<p>* Hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none">- Đảm bảo dung lượng, có trình tự mạch lạc, diễn đạt rõ ràng; không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp.- Đúng đoạn văn lập luận tổng hợp-phân tích-tổng hợp.- Sử dụng đúng, phù hợp với 1 kiểu câu nghi vấn bộc lộ cảm xúc và 1 câu cảm thán (gạch chân, chỉ rõ). <p>* Nội dung: Bám sát vào ngữ liệu và khai thác hiệu quả các tín hiệu nghệ thuật (dùng từ ngữ tinh tế, liệt kê, động từ mạnh, câu văn biến ngẫu, giọng điệu...) để làm rõ tư tưởng nhân nghĩa và lòng tự hào, tự tôn dân tộc của Nguyễn Trãi:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi:<ul style="list-style-type: none">+Cốt lõi tư tưởng nhân nghĩa của NT: yên dân → trừ bạo+So sánh tư tưởng nhân nghĩa của NT với tư tưởng nhân nghĩa của Nho giáo.- Lòng tự hào, tự tôn dân tộc:<ul style="list-style-type: none">+ Tự hào vì ta là một quốc gia độc lập+ Tự tôn dân tộc: đất nước ta ngang hàng, thậm chí trên hàng với các triều đại phong kiến phương Bắc.+ Tự hào trước những chiến công hiển hách của dân tộc.	1.5 điểm 0.5 0.5 0.5 3.0 điểm 1.0 2.0
Câu 3 0.5 điểm	<ul style="list-style-type: none">- Một văn bản trong chương trình Ngữ văn 7 có cùng nội dung thể hiện niềm tự hào về chủ quyền độc lập của dân tộc: <i>Sông núi nước Nam (Nam quốc sơn hà)</i>.- Tác giả: Lý Thường Kiệt	0.25 điểm 0.25 điểm
PHẦN II (4 điểm)		
Câu 1 1.0 điểm	<ul style="list-style-type: none">- Thể loại: Tấu- Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận.	0,5 điểm 0,5 điểm

Câu 2 1.5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểu câu trần thuật. - Dấu hiệu: + Hình thức: Không có đặc điểm hình thức của các kiểu câu nghi vấn, cầu khiến, cảm thán. + Chức năng: dùng để trình bày, giải thích. 	0.5 điểm 0.5 điểm 0.5 điểm
Câu 3 1.5 điểm	<ul style="list-style-type: none"> * Hình thức: Đảm bảo dung lượng 1/2 trang giấy, đúng yêu cầu về hình thức của đoạn văn nghị luận xã hội, để đạt lưu loát, sắp xếp ý mạch lạc. * Nội dung: HS có thể trình bày ý kiến khác nhau. Sau đây là gợi ý: <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề nghị luận: lối học hình thức, học tủ, học vẹt - Giải thích “học tủ”, “học vẹt” là gì? - Hậu quả của lối học sai lầm: “học tủ”, “học vẹt” (Có dẫn chứng minh họa) - Nguyên nhân - Giải pháp - Liên hệ bản thân 	0.5 điểm 1.0 điểm 0.25 0.25 0.25 0.25

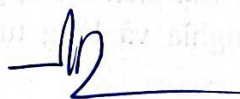
Ban giám hiệu



TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
PHÚC ĐÔNG


Đương Văn Tuynh

Tổ trưởng



Đào Thị Khanh

Người ra đề



Đinh Thị Nhân